

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm
năm học 2018 – 2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

[illegible]

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
7	Khối ngành VII											
7.1	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	9		1	8							
II	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ</i>	233	8	58	167							
1	Khối ngành I											
2	Khối ngành II											
3	Khối ngành III											
4	Khối ngành IV											
4.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	7		1	6							
4.2	Quang học	5		3	2							
4.3	Vật lý vô tuyến và Điện tử	5		1	4							
4.4	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	9	1	4	4							
4.5	Vật lý địa cầu	3		1	2							
4.6	Hải dương học	3		1	2							
4.7	Khí tượng và khí hậu học	3			3							
4.8	Hóa hữu cơ	15	1	5	9							
4.9	Hóa phân tích	8		3	5							
4.10	Hóa lý thuyết và hóa lý	9		5	4							
4.11	Hóa vô cơ	7		1	6							
4.12	Hóa sinh học	5		1	4							
4.13	Sinh học thực nghiệm	9		4	5							
4.14	Vi sinh vật học	5		2	3							
4.15	Sinh thái học	8		1	7							
4.16	Di truyền học	4		2	2							
4.17	Công nghệ sinh học	12	1	3	8							
4.18	Địa chất học	6		1	5							
4.19	Khoa học môi trường	11		4	7							
4.20	Khoa học vật liệu	11	1	3	7							
5	Khối ngành V											
5.1	Khoa học máy tính	19		5	14							
5.2	Hệ thống thông tin	9		1	8							
5.3	Toán giải tích	6	1	1	4							
5.4	Đại số và lý thuyết số	7	1		6							
5.5	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học	4	1		3							
5.6	Toán ứng dụng	17		1	16							
5.7	Cơ sở toán cho tin học	3		1	2							
5.8	Vật lý kỹ thuật	5		2	3							
5.9	Kỹ thuật điện tử	6	1		5							
5.10	Kỹ thuật địa chất	3			3							
6	Khối ngành VI											
7	Khối ngành VII											



Handwritten signature

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
7.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	9		1	8							

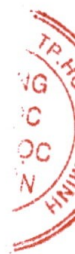
B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
A	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</i>					
	Khối ngành IV					
1	Nguyễn Hữu Hoàng	11.10.1985	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
2	Trần Văn Hiếu	26.07.1981	Nam	PGS	TS	Công nghệ sinh học
3	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	26.04.1986	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
4	Nguyễn Trí Nhân	29.08.1982	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
5	Trần Trung Hiếu	11.11.1969	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
6	Nguyễn Thị Mỹ Lan	16.06.1976	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
7	Lương Thị Mỹ Ngân	19.01.1971	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
8	Trần Nguyên Vũ	28.07.1978	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
9	Bùi Lan Anh	10.02.1982	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
10	Quách Ngô Diễm Phương	01.10.1980	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
11	Trần Linh Thước	06.10.1960	Nam	GS	TS	Công nghệ sinh học
12	Đặng Thị Phương Thảo	08.07.1976	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
13	Hồ Huỳnh Thùy Dương	19.10.1959	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
14	Nguyễn Thị Huệ	11.04.1972	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
15	Nguyễn Thụy Vy	01.08.1983	Nữ	GV	TS	Di truyền học
16	Nguyễn Hoàng Chương	18.07.1977	Nam	GV	TS	Di truyền học
17	Huỳnh Ngọc Vinh	09.12.1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
18	Nguyễn Trung Nhân	21.06.1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
19	Nguyễn Diệu Liên Hoa	20.10.1957	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
20	Nguyễn Kim Phi Phụng	10.05.1955	Nữ	GS	TS	Hoá hữu cơ
21	Nguyễn Thị Thảo Trân	25.04.1978	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
22	Nguyễn Tấn Tài	21.06.1985	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
23	Nguyễn Trí Hiếu	21.12.1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
24	Tôn Thất Quang	13.07.1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
25	Lưu Thị Xuân Thi	30.09.1973	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
26	Đoàn Ngọc Nhuận	15.04.1977	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
27	Trần Hoàng Phương	15.09.1984	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
28	Nguyễn Thị Lệ Thu	01.01.1979	Nữ	GVTH	TS	Hoá hữu cơ
29	Nguyễn Thị Ý Nhi	14.05.1975	Nữ	NCV	TS	Hoá hữu cơ
30	Trần Thu Phương	14.10.1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
31	Trần Lê Quan	01.07.1970	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
32	Nguyễn Thái Hoàng	23.10.1974	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
33	Nguyễn Ngọc Ân	21.03.1983	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
34	Nguyễn Công Tránh	09.03.1976	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
35	Hồ Thị Cẩm Hoài	16.01.1969	Nữ	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí

GIÁ
HỮU
TH
A
NH
★

27

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
36	Cổ Thanh Thiện	11.01.1975	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
37	Lê Mỹ Loan Phụng	27.10.1983	Nữ	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
38	Hoàng Ngọc Cường	15.03.1968	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
39	Phạm Trần Nguyên Nguyên	11.05.1972	Nữ	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
40	Trần Văn Mẫn	13.06.1976	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
41	Nguyễn Thành Nho	1987	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
42	Nguyễn Thị Thanh Mai	01.12.1974	Nữ	PGS	TS	Hoá phân tích
43	Nguyễn Ánh Mai	06.02.1960	Nữ	PGS	TS	Hoá phân tích
44	Nguyễn Văn Đông	20.12.1971	Nam	PGS	TS	Hoá phân tích
45	Huỳnh Tấn Vũ	28.08.1989	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
46	Trần Mạnh Hùng	18.10.1980	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
47	Trịnh Thị Diệu Bình	09.04.1983	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
48	Trương Thị Huỳnh Hoa	18.01.1964	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
49	Ngô Đại Nghiệp	10.10.1975	Nam	PGS	TS	Hoá sinh học
50	Nguyễn Dương Tâm Anh	06.09.1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
51	Nguyễn Thị Hồng Thương	16.05.1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
52	Lương Bảo Uyên	01.06.1976	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
53	Vòng Bình Long	04.05.1984	Nam	NCV	TS	Hoá sinh học
54	Phạm Kim Ngọc	04.04.1982	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
55	Phạm Văn Việt	04.12.1987	Nam	NCV	TS	Khoa học vật liệu
56	Lê Văn Hiếu	19.11.1957	Nam	GS	TS	Khoa học vật liệu
57	Trần Thị Thanh Vân	15.06.1980	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
58	Đỗ Thị Vi Vi	04.07.1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
59	Lê Viết Hải	12.05.1978	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
60	Hà Thúc Chí Nhân	13.06.1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
61	Hoàng Thị Đông Quý	28.12.1978	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
62	Nguyễn Thái Ngọc Uyên	16.10.1979	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
63	Trần Công Khánh	20.06.1987	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
64	Trần Duy Tập	09.03.1981	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
65	Hà Quang Hải	25.12.1954	Nam	PGS	TS	Môi trường đất và nước
66	Lê Tự Thành	16.12.1976	Nam	GV	TS	Môi trường đất và nước
67	Nguyễn Ái Lê	22.08.1983	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
68	Nguyễn Thanh Tâm	02.09.1986	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
69	Tô Thị Hiền	30.12.1972	Nữ	PGS	TS	Môi trường đất và nước
70	Trần Thị Thu Dung	28.11.1978	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
71	Trương Thị Cẩm Trang	06.03.1978	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
72	Vũ Văn Nghị	26.02.1974	Nam	PGS	TS	Môi trường đất và nước
73	Vũ Thị Hạnh Thu	08.05.1979	Nữ	PGS	TS	Quang học
74	Nguyễn Thanh Lâm	19.10.1984	Nam	KTV	TS	Quang học
75	Lê Vũ Tuấn Hùng	10.11.1971	Nam	PGS	TS	Quang học
76	Lê Văn Ngọc	25.12.1969	Nam	GVC	TS	Quang học
77	Lê Trần	21.05.1970	Nam	GVC	TS	Quang học
78	Trần Cao Vinh	25.02.1972	Nam	PGS	TS	Quang học
79	Lâm Quang Vinh	09.06.1970	Nam	PGS	TS	Quang học
80	Hồ Thanh Huy	21.12.1981	Nam	GV	TS	Quang học
81	Huỳnh Văn Tuấn	08.05.1979	Nam	PGS	TS	Quang học
82	Nguyễn Xuân Vinh	11.02.1977	Nam	GV	TS	Quang học
83	Trần Lê Bảo Hà	08.09.1975	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật



25

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
84	Trần Bích Thu	06.12.1980	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
85	Đỗ Minh Sĩ	15.09.1979	Nam	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
86	Trương Hải Nhung	02.07.1985	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
87	Phạm Văn Phúc	23.08.1982	Nam	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật
88	Võ Thị Phi Giao	16.06.1975	Nữ	GV	TS	Sinh lý học thực vật
89	Nguyễn Du Sanh	16.06.1955	Nam	PGS	TS	Sinh lý học thực vật
90	Trần Thanh Hương	16.05.1975	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học thực vật
91	Đỗ Thường Kiệt	25.06.1983	Nam	GV	TS	Sinh lý học thực vật
92	Trần Thị Thanh Hiền	02.01.1980	Nữ	NCV	TS	Sinh lý học thực vật
93	Lê Xuân Thuyền	29.04.1958	Nam	GV	TS	Sinh thái học
94	Nguyễn Thị Kim Dung	11.12.1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
95	Trần Thị Anh Đào	13.03.1974	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
96	Nguyễn Phi Ngà	29.12.1974	Nam	GV	TS	Sinh thái học
97	Lưu Thị Thanh Nhân	06.07.1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
98	Nguyễn Thị Lan Thi	10.10.1972	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
99	Đặng Lê Anh Tuấn	03.02.1981	Nam	GV	TS	Sinh thái học
100	Nguyễn Thị Gia Hằng	04.09.1981	Nữ	NCV	TS	Sinh thái học
101	Hoàng Đức Huy	21.12.1972	Nam	PGS	TS	Sinh thái học
102	Nguyễn Hoàng Hưng	05.09.1977	Nam	GV	TS	Vật lý chất rắn
103	Lê Thụy Thanh Giang	13.02.1981	Nữ	GV	TS	Vật lý chất rắn
104	Huỳnh Trần Mỹ Hòa	19.10.1982	Nữ	TrG	TS	Vật lý chất rắn
105	Hoàng Thị Thu	02.02.1980	Nữ	GV	TS	Vật lý chất rắn
106	Trần Quang Trung	06.01.1967	Nam	PGS	TS	Vật lý chất rắn
107	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	21.07.1977	Nam	GV	TS	Vật lý chất rắn
108	Bùi Thị Ngọc Oanh	09.03.1986	Nữ	NCV	TS	Vật lý địa cầu
109	Võ Lương Hồng Phước	12.04.1973	Nữ	PGS	TS	Vật lý địa cầu
110	Đặng Trường An	28.02.1978	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
111	Nguyễn Công Thành	04.10.1974	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
112	Nguyễn Thành Vần	15.06.1954	Nam	PGS	TS	Vật lý địa cầu
113	Lê Văn Anh Cường	27.08.1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
114	Nguyễn Kim Quang	21.06.1957	Nam	GVC	TS	Vật lý địa cầu
115	Nguyễn Quốc Khánh	02.09.1954	Nam	PGS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
116	Trương Bá Hà	14.11.1963	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
117	Nguyễn Hữu Nhã	09.10.1980	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
118	Vũ Quang Tuyên	05.07.1968	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
119	Nguyễn Chí Linh	17.02.1982	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
120	Phan Hồng Khiêm	23.06.1984	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
121	Võ Quốc Phong	17.08.1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
122	Hoàng Thị Kiều Trang	01.12.1976	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
123	Trần Thiện Thanh	28.05.1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
124	Trịnh Hoa Lăng	28.11.1979	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
125	Trần Nhân Giang	25.04.1988	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
126	Châu Văn Tạo	01.06.1961	Nam	GS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
127	Huỳnh Trúc Phương	07.01.1971	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
128	Võ Hồng Hải	24.08.1975	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
129	Trương Thị Hồng Loan	18.10.1962	Nữ	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
130	Lê Công Hào	09.06.1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
131	Nguyễn Văn Hiếu	21.08.1972	Nam	PGS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử



Handwritten signature or mark.

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
132	Đặng Lê Khoa	01.03.1983	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
133	Đinh Sỹ Hiền	25.12.1952	Nam	GS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
134	Lê Đức Hùng	27.10.1979	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
135	Huỳnh Hữu Thuận	09.12.1975	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
136	Bùi Trọng Tú	28.09.1975	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
137	Nguyễn Chí Nhân	11.04.1977	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
138	Phạm Quỳnh Hương	11.11.1981	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
139	Trần Ngọc Diễm My	22.10.1981	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
140	Nguyễn Xuân Minh Ái	05.09.1982	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
141	Nguyễn Đức Hoàng	05.06.1976	Nam	PGS	TS	Vi sinh vật học
142	Phan Thị Phượng Trang	22.09.1977	Nữ	PGS	TS	Vi sinh vật học
	Khối ngành V					
1	Đinh Ngọc Thanh	13.10.1955	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
2	Trần Anh Tuấn	26.10.1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
3	Nguyễn Thanh Bình	23.12.1986	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
4	Bùi Xuân Hải	27.11.1953	Nam	GS	TS	Đại số và lí thuyết số
5	Nguyễn Văn Thìn (A)	08.07.1964	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
6	Lê Văn Luyện	02.06.1983	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
7	Lê Văn Hợp	13.06.1960	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
8	Trần Ngọc Hội	02.01.1961	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
9	Mai Hoàng Biên	15.02.1982	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
10	Trịnh Thanh Đào	15.07.1975	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
11	Phạm Nguyễn Cương	07.04.1972	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
12	Phạm Thị Bạch Huệ	06.07.1976	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
13	Lê Thị Nhân	09.03.1978	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
14	Nguyễn Trần Minh Thư	13.09.1979	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
15	Trần Trung Dũng	26.11.1978	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
16	Bùi Tiến Lên	05.02.1974	Nam	GVC	TS	Hệ thống thông tin
17	Đinh Điền	18.01.1966	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
18	Hồ Bảo Quốc	01.07.1965	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
19	Nguyễn Hải Quân	15.10.1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
20	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01.08.1982	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
21	Ngô Minh Nhựt	27.08.1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
22	Đinh Bá Tiến	08.12.1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
23	Nguyễn Thanh Phương	19.09.1972	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
24	Nguyễn Ngọc Thảo	26.10.1984	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
25	Nguyễn Hải Minh	14.07.1985	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
26	Nguyễn Văn Vũ	04.05.1977	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
27	Châu Thành Đức	20.10.1985	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
28	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	25.06.1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
29	Trần Minh Triết	19.08.1979	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
30	Trần Thái Sơn	12.12.1975	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
31	Vũ Hải Quân	01.08.1974	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
32	Đặng Đức Trọng	15.12.1964	Nam	GS	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
33	Trần Duy Hiến	18.08.1976	Nam	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
34	Lê Thị Xuân Mai	30.10.1980	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
35	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	21.01.1980	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HUỖNG

2

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
36	Nguyễn Huy Tuấn	26.11.1983	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
37	Dương Minh Đức	17.07.1951	Nam	GS	TS	Toán giải tích
38	Huỳnh Quang Vũ	10.09.1975	Nam	GV	TS	Toán giải tích
39	Ông Thanh Hải	31.03.1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
40	Lý Kim Hà	25.07.1988	Nam	GV	TS	Toán giải tích
41	Nguyễn Thành Long	03.06.1956	Nam	GVC	TS	Toán giải tích
42	Nguyễn Đình Phư	04.02.1954	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
43	Nguyễn Tấn Trung	02.07.1986	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
44	Vũ Đỗ Huy Cường	28.11.1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
45	Nguyễn Viết Đông	12.12.1957	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
46	Nguyễn Thị Thu Vân	14.10.1977	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
47	Bùi Lê Trọng Thanh	20.12.1987	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
48	Nguyễn Lê Hoàng Anh	12.07.1985	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
49	Nguyễn Anh Thi	16.05.1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
50	Bùi Anh Tuấn	01.12.1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
51	Nguyễn Khánh Tùng	25.11.1988	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
52	Võ Sĩ Trọng Long	13.08.1980	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
53	Tạ Thị Nguyệt Nga	24.10.1988	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
54	Trịnh Anh Ngọc	24.05.1960	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
55	Lê Bá Khánh Trinh	19.05.1962	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
56	Trần Nam Dũng	03.08.1966	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
57	Nguyễn Minh Tùng	07.06.1987	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
58	Lê Ánh Hạ	04.04.1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
Khối ngành VII						
1	Bùi Việt Hưng	01/06/1972	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
2	Ngô Thị Thuần	20/12/1981	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
3	Nguyễn Thị Ngọc	15/11/1988	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
4	Trương Thanh Cảnh	20/08/1955	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
5	Đào Nguyên Khôi	02/09/1985	Nam		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
6	Dương Thị Thúy Nga	05/04/1978	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
7	Lê Ngọc Tuấn	17/10/1982	Nam		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
8	Nguyễn Bích Ngọc	15/04/1981	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
9	Nguyễn Thị Thụy Hằng	25/02/1985	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
10	Trần Bích Châu	05/08/1977	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
11	Trần Thị Mai Phương	10/05/1971	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
12	Trần Tuấn Tú	18/03/1969	Nam		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
B	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ Thạc sĩ</i>					
Khối ngành IV						
1	Nguyễn Hữu Hoàng	11.10.1985	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
2	Trần Văn Hiếu	26.07.1981	Nam	PGS	TS	Công nghệ sinh học
3	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	26.04.1986	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
4	Nguyễn Trí Nhân	29.08.1982	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học

ÔNG
HỌC
HỌC
TIỀN

2

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
5	Trần Trung Hiếu	11.11.1969	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
6	Nguyễn Thị Mỹ Lan	16.06.1976	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
7	Lương Thị Mỹ Ngân	19.01.1971	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
8	Trần Nguyễn Vũ	28.07.1978	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
9	Bùi Lan Anh	10.02.1982	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
10	Quách Ngô Diễm Phương	01.10.1980	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
11	Trần Linh Thước	06.10.1960	Nam	GS	TS	Công nghệ sinh học
12	Đặng Thị Phương Thảo	08.07.1976	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
13	Hồ Huỳnh Thùy Dương	19.10.1959	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
14	Nguyễn Thị Huệ	11.04.1972	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
15	Nguyễn Thụy Vy	01.08.1983	Nữ	GV	TS	Di truyền học
16	Nguyễn Hoàng Chương	18.07.1977	Nam	GV	TS	Di truyền học
17	Trần Thị Hoàng Hà	17.05.1981	Nữ	GV	TS	Địa chất học
18	Phạm Trung Hiếu	19.04.1978	Nam	PGS	TS	Địa chất học
19	Bùi Thị Luận	08.12.1959	Nữ	GVC	TS	Địa chất học
20	Nguyễn Kim Hoàng	31.01.1957	Nam	GVC	TS	Địa chất học
21	Lê Đức Phúc	02.06.1957	Nam	GVC	TS	Địa chất học
22	Liêu Kim Phượng	12.08.1973	Nữ	GV	TS	Địa chất học
23	Bùi Thị Ngọc Oanh	09.03.1986	Nữ	NCV	TS	Hải dương học
24	Võ Lương Hồng Phước	12.04.1973	Nữ	PGS	TS	Hải dương học
25	Đặng Trường An	28.02.1978	Nam	GV	TS	Hải dương học
26	Huỳnh Ngọc Vinh	09.12.1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
27	Nguyễn Trung Nhân	21.06.1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
28	Nguyễn Diệu Liên Hoa	20.10.1957	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
29	Nguyễn Kim Phi Phụng	10.05.1955	Nữ	GS	TS	Hoá hữu cơ
30	Nguyễn Thị Thảo Trân	25.04.1978	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
31	Nguyễn Tấn Tài	21.06.1985	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
32	Nguyễn Trí Hiếu	21.12.1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
33	Tôn Thất Quang	13.07.1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
34	Lưu Thị Xuân Thi	30.09.1973	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
35	Đoàn Ngọc Nhuận	15.04.1977	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
36	Trần Hoàng Phương	15.09.1984	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
37	Nguyễn Thị Lệ Thu	01.01.1979	Nữ	GVTH	TS	Hoá hữu cơ
38	Nguyễn Thị Ý Nhi	14.05.1975	Nữ	NCV	TS	Hoá hữu cơ
39	Trần Thu Phương	14.10.1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
40	Trần Lê Quan	01.07.1970	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
41	Nguyễn Thái Hoàng	23.10.1974	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
42	Nguyễn Ngọc Ân	21.03.1983	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
43	Nguyễn Công Tránh	09.03.1976	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
44	Hồ Thị Cẩm Hoài	16.01.1969	Nữ	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
45	Cô Thanh Thiện	11.01.1975	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
46	Lê Mỹ Loan Phụng	27.10.1983	Nữ	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
47	Hoàng Ngọc Cường	15.03.1968	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
48	Phạm Trần Nguyên Nguyên	11.05.1972	Nữ	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
49	Trần Văn Mẫn	13.06.1976	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
50	Nguyễn Thành Nho	1987	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
51	Nguyễn Thị Thanh Mai	01.12.1974	Nữ	PGS	TS	Hoá phân tích
52	Nguyễn Ánh Mai	06.02.1960	Nữ	PGS	TS	Hoá phân tích

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
53	Nguyễn Văn Đông	20.12.1971	Nam	PGS	TS	Hoá phân tích
54	Huỳnh Tấn Vũ	28.08.1989	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
55	Trần Mạnh Hùng	18.10.1980	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
56	Trịnh Thị Diệu Bình	09.04.1983	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
57	Trương Thị Huỳnh Hoa	18.01.1964	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
58	Ngô Đại Nghiệp	10.10.1975	Nam	PGS	TS	Hoá sinh học
59	Nguyễn Dương Tâm Anh	06.09.1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
60	Nguyễn Thị Hồng Thương	16.05.1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
61	Lương Bảo Uyên	01.06.1976	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
62	Vòng Bình Long	04.05.1984	Nam	NCV	TS	Hoá sinh học
63	Huỳnh Thị Kiều Xuân	28.10.1963	Nữ	PGS	TS	Hoá vô cơ
64	Ngô Thị Thùy Dương	23.05.1983	Nữ	GV	TS	Hoá vô cơ
65	Nguyễn Tuyết Phương	20.08.1981	Nữ	GV	TS	Hoá vô cơ
66	Lê Tiến Khoa	08.12.1986	Nam	GV	TS	Hoá vô cơ
67	Nguyễn Bình Phương Nhân	24.10.1984	Nam	GV	TS	Hoá vô cơ
68	Huỳnh Lê Thanh Nguyên	27.11.1987	Nam	GV	TS	Hoá vô cơ
69	Thạch Út Đồng	16.06.1989	Nam	GV	TS	Hoá vô cơ
70	Nguyễn Quốc Chính	17.03.1970	Nam	GV	TS	Hoá vô cơ
71	Lê Xuân Thuyền	29.04.1958	Nam	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
72	Võ Thị Phi Giao	16.06.1975	Nữ	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
73	Nguyễn Công Thành	04.10.1974	Nam	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
74	Hà Quang Hải	25.12.1954	Nam	PGS	TS	Khoa học môi trường
75	Lê Tự Thành	16.12.1976	Nam	GV	TS	Khoa học môi trường
76	Nguyễn Ái Lê	22.08.1983	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
77	Nguyễn Thanh Tâm	02.09.1986	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
78	Tô Thị Hiền	30.12.1972	Nữ	PGS	TS	Khoa học môi trường
79	Trần Thị Thu Dung	28.11.1978	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
80	Trương Thị Cẩm Trang	06.03.1978	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
81	Vũ Văn Nghị	26.02.1974	Nam	PGS	TS	Khoa học môi trường
82	Phạm Kim Ngọc	04.04.1982	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
83	Phạm Văn Việt	04.12.1987	Nam	NCV	TS	Khoa học vật liệu
84	Lê Văn Hiếu	19.11.1957	Nam	GS	TS	Khoa học vật liệu
85	Trần Thị Thanh Vân	15.06.1980	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
86	Đỗ Thị Vi Vi	04.07.1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
87	Lê Viết Hải	12.05.1978	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
88	Hà Thúc Chí Nhân	13.06.1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
89	Hoàng Thị Đông Quý	28.12.1978	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
90	Nguyễn Thái Ngọc Uyên	16.10.1979	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
91	Trần Công Khánh	20.06.1987	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
92	Trần Duy Tập	09.03.1981	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
93	Vũ Thị Hạnh Thu	08.05.1979	Nữ	PGS	TS	Quang học
94	Nguyễn Thanh Lâm	19.10.1984	Nam	KTV	TS	Quang học
95	Lê Vũ Tuấn Hùng	10.11.1971	Nam	PGS	TS	Quang học
96	Lê Văn Ngọc	25.12.1969	Nam	GVC	TS	Quang học
97	Lê Trần	21.05.1970	Nam	GVC	TS	Quang học
98	Trần Cao Vinh	25.02.1972	Nam	PGS	TS	Quang học
99	Lâm Quang Vinh	09.06.1970	Nam	PGS	TS	Quang học
100	Trần Lê Bảo Hà	08.09.1975	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm



2

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
101	Nguyễn Du Sanh	16.06.1955	Nam	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
102	Trần Thanh Hương	16.05.1975	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
103	Trần Bích Thư	06.12.1980	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
104	Đỗ Thường Kiệt	25.06.1983	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
105	Đỗ Minh Sĩ	15.09.1979	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
106	Trần Thị Thanh Hiền	02.01.1980	Nữ	NCV	TS	Sinh học thực nghiệm
107	Trương Hải Nhung	02.07.1985	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
108	Phạm Văn Phúc	23.08.1982	Nam	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
109	Nguyễn Thị Kim Dung	11.12.1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
110	Trần Thị Anh Đào	13.03.1974	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
111	Nguyễn Phi Ngà	29.12.1974	Nam	GV	TS	Sinh thái học
112	Lưu Thị Thanh Nhân	06.07.1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
113	Nguyễn Thị Lan Thi	10.10.1972	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
114	Đặng Lê Anh Tuấn	03.02.1981	Nam	GV	TS	Sinh thái học
115	Nguyễn Thị Gia Hằng	04.09.1981	Nữ	NCV	TS	Sinh thái học
116	Hoàng Đức Huy	21.12.1972	Nam	PGS	TS	Sinh thái học
117	Nguyễn Thành Ván	15.06.1954	Nam	PGS	TS	Vật lý địa cầu
118	Lê Văn Anh Cường	27.08.1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
119	Nguyễn Kim Quang	21.06.1957	Nam	GVC	TS	Vật lý địa cầu
120	Nguyễn Quốc Khánh	02.09.1954	Nam	PGS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
121	Trương Bá Hà	14.11.1963	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
122	Nguyễn Hữu Nhã	09.10.1980	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
123	Vũ Quang Tuyên	05.07.1968	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
124	Nguyễn Chí Linh	17.02.1982	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
125	Phan Hồng Khiêm	23.06.1984	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
126	Võ Quốc Phong	17.08.1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
127	Hoàng Thị Kiều Trang	01.12.1976	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
128	Trần Thiện Thanh	28.05.1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
129	Trịnh Hoa Lăng	28.11.1979	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
130	Trần Nhân Giang	25.04.1988	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
131	Châu Văn Tạo	01.06.1961	Nam	GS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
132	Huỳnh Trúc Phương	07.01.1971	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
133	Võ Hồng Hải	24.08.1975	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
134	Trương Thị Hồng Loan	18.10.1962	Nữ	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
135	Lê Công Hào	09.06.1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
136	Nguyễn Hoàng Hưng	05.09.1977	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
137	Lê Thụy Thanh Giang	13.02.1981	Nữ	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
138	Hồ Thanh Huy	21.12.1981	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
139	Huỳnh Trần Mỹ Hòa	19.10.1982	Nữ	TrG	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
140	Nguyễn Văn Hiếu	21.08.1972	Nam	PGS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
141	Phạm Quỳnh Hương	11.11.1981	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
142	Trần Ngọc Diễm My	22.10.1981	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
143	Nguyễn Xuân Minh Ái	05.09.1982	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
144	Nguyễn Đức Hoàng	05.06.1976	Nam	PGS	TS	Vi sinh vật học
145	Phan Thị Phượng Trang	22.09.1977	Nữ	PGS	TS	Vi sinh vật học
Khối ngành V						
1	Đinh Ngọc Thanh	13.10.1955	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
2	Trần Anh Tuấn	26.10.1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học

A
ON
HỌ
HỌ
HIỂN

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
3	Nguyễn Thanh Bình	23.12.1986	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
4	Bùi Xuân Hải	27.11.1953	Nam	GS	TS	Đại số và lý thuyết số
5	Nguyễn Văn Thìn (A)	08.07.1964	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
6	Lê Văn Luyện	02.06.1983	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
7	Lê Văn Hợp	13.06.1960	Nam	GVC	TS	Đại số và lý thuyết số
8	Trần Ngọc Hội	02.01.1961	Nam	GVC	TS	Đại số và lý thuyết số
9	Mai Hoàng Biên	15.02.1982	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
10	Trịnh Thanh Đèo	15.07.1975	Nam	GVC	TS	Đại số và lý thuyết số
11	Phạm Nguyễn Cương	07.04.1972	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
12	Phạm Thị Bạch Huệ	06.07.1976	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
13	Lê Thị Nhân	09.03.1978	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
14	Nguyễn Trần Minh Thư	13.09.1979	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
15	Trần Trung Dũng	26.11.1978	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
16	Bùi Tiến Lên	05.02.1974	Nam	GVC	TS	Hệ thống thông tin
17	Đinh Điền	18.01.1966	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
18	Hồ Bảo Quốc	01.07.1965	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
19	Nguyễn Hải Quân	15.10.1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
20	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01.08.1982	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
21	Ngô Minh Nhựt	27.08.1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
22	Đinh Bá Tiến	08.12.1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
23	Nguyễn Thanh Phương	19.09.1972	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
24	Nguyễn Ngọc Thảo	26.10.1984	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
25	Nguyễn Hải Minh	14.07.1985	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
26	Nguyễn Văn Vũ	04.05.1977	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
27	Châu Thành Đức	20.10.1985	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
28	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	25.06.1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
29	Trần Minh Triết	19.08.1979	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
30	Trần Thái Sơn	12.12.1975	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
31	Vũ Hải Quân	01.08.1974	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
32	Nguyễn Đình Thanh	15.11.1986	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
33	Trương Minh Hoàng	27.01.1970	Nam	GVC	TS	Kỹ thuật địa chất
34	Ngô Minh Thiện	15.09.1981	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
35	Đặng Lê Khoa	01.03.1983	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
36	Đinh Sỹ Hiền	25.12.1952	Nam	GS	TS	Kỹ thuật điện tử
37	Lê Đức Hùng	27.10.1979	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
38	Huỳnh Hữu Thuận	09.12.1975	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
39	Bùi Trọng Tú	28.09.1975	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
40	Nguyễn Chí Nhân	11.04.1977	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
41	Đặng Đức Trọng	15.12.1964	Nam	GS	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
42	Trần Duy Hiến	18.08.1976	Nam	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
43	Lê Thị Xuân Mai	30.10.1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
44	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	21.01.1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
45	Nguyễn Huy Tuấn	26.11.1983	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
46	Dương Minh Đức	17.07.1951	Nam	GS	TS	Toán giải tích
47	Huỳnh Quang Vũ	10.09.1975	Nam	GV	TS	Toán giải tích
48	Ông Thanh Hải	31.03.1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
49	Lý Kim Hà	25.07.1988	Nam	GV	TS	Toán giải tích



2

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
50	Nguyễn Thành Long	03.06.1956	Nam	GVC	TS	Toán giải tích
51	Nguyễn Đình Phur	04.02.1954	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
52	Nguyễn Tấn Trung	02.07.1986	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
53	Vũ Đỗ Huy Cường	28.11.1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
54	Nguyễn Viết Đông	12.12.1957	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
55	Nguyễn Thị Thu Vân	14.10.1977	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
56	Bùi Lê Trọng Thanh	20.12.1987	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
57	Nguyễn Lê Hoàng Anh	12.07.1985	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
58	Nguyễn Anh Thi	16.05.1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
59	Bùi Anh Tuấn	01.12.1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
60	Nguyễn Khánh Tùng	25.11.1988	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
61	Võ Sĩ Trọng Long	13.08.1980	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
62	Tạ Thị Nguyệt Nga	24.10.1988	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
63	Trịnh Anh Ngọc	24.05.1960	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
64	Lê Bá Khánh Trình	19.05.1962	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
65	Trần Nam Dũng	03.08.1966	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
66	Nguyễn Minh Tùng	07.06.1987	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
67	Lê Ánh Hạ	04.04.1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
68	Hoàng Thị Thu	02.02.1980	Nữ	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
69	Trần Quang Trung	06.01.1967	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
70	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	21.07.1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
71	Huỳnh Văn Tuấn	08.05.1979	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
72	Nguyễn Xuân Vinh	11.02.1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
Khối ngành VII						
1	Bùi Việt Hưng	01/06/1972	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
2	Ngô Thị Thuận	20/12/1981	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
3	Nguyễn Thị Ngọc	15/11/1988	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
4	Trương Thanh Cảnh	20/08/1955	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
5	Đào Nguyên Khôi	02/09/1985	Nam		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
6	Dương Thị Thúy Nga	05/04/1978	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
7	Lê Ngọc Tuấn	17/10/1982	Nam		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
8	Nguyễn Bích Ngọc	15/04/1981	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
9	Nguyễn Thị Thụy Hằng	25/02/1985	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
10	Trần Bích Châu	05/08/1977	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
11	Trần Thị Mai Phương	10/05/1971	Nữ		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
12	Trần Tuấn Tú	18/03/1969	Nam		TS	Quản lý tài nguyên và môi trường

2